

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2021

V/v Ly hôn, trAh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ah Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/9/2021; Thông báo về việc dời ngày xét xử số 44/2021/TB-TA ngày 11/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2021 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Sơn Thị Thảo N, sinh năm 1996 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã Đ, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lâm Thanh L, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm T, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021 (BL01), cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị Thảo N trình bày: Chị Sơn Thị Thảo N tự nguyện sống chung với anh Lâm Thanh L, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân Phường B, thị xã VC và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/01/2018. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu và đã có 01 (Một) con chung là cháu Lâm Tâm A (Nữ), sinh ngày 02/01/2019. Do phát sinh mâu thuẫn, sống chung không hòa hợp tính tình, thường xảy ra cãi vã nên từ tháng 8/2020 vợ chồng đã không còn sống chung.

Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh L. Về con chung chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lâm Tâm A, sinh ngày 02/01/2019 (nữ) đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L, nhưng anh L không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N, đồng thời anh L cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy Nên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L, giao con chung là cháu Lâm Tâm A, sinh ngày 02/01/2019 (nữ) cho chị N nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh L, nhưng anh L vắng mặt không có lý do, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh L theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Thảo N nhận thấy hôn nhân của chị N và anh L là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức

lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/01/2018. Quan hệ hôn nhân của chị N và anh L không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến khoảng tháng 8 năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị N nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên có nguyện vọng ly hôn. Chị N và anh L đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị N và anh L có 01 người con chung tên Lâm Tâm A, sinh ngày 02/01/2019 (nữ) chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc sống của cháu A không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Lâm Tâm A cho chị N nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị N khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sơn Thị Thảo N đối với bị đơn anh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị Thảo N được ly hôn với anh L

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lâm Tâm A, sinh ngày 02/01/2019 (nữ) cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Tâm A của chị Sơn Thị Thảo N thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị N khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị N khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Sơn Thị Thảo N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0009397, ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh L không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAD tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường B, TX Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

Dương Chiêu Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng

Nơi nhận:

- TAD tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường 2, TX Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng

Dương Chiêu Hùng

Nơi nhận:

- TAD tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường 2;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng

Nơi nhận:

- TAD tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã Vĩnh Tân;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng

